

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024

*“V/v: không công nhận quan
hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Anh Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Trường.
Bà Trần Thị Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Giang Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc: Không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1984.

HKTT: Khu X Th, xã C Th, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Lý Văn C**, sinh năm 1983.

HKTT: Khu X Th, xã C Th, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H và anh C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 29/7/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2024, bản tự khai ngày 14/6/2024, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C có tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đến nay vợ chồng cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng

chung sống cùng với bố mẹ anh C ở xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn thời gian ngắn, sau đó vợ chồng bàn với nhau lên trên quê chị H ở khu X Th, xã C Th để mượn đất bố mẹ chị làm nhà ở riêng, độc lập về kinh tế. Tuy nhiên trong cuộc sống mấy năm trở lại đây vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mặt khác vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay không có sự quan tâm, yêu thương, chia sẻ đến nhau, ai có việc người làm và đều có cuộc sống riêng. Khi mâu thuẫn vợ chồng chị xảy ra đã được gia đình bố mẹ hai bên khuyên bảo nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không tự khắc phục, hàn gắn được mà ngày càng trở nên căng thẳng. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh C là vợ chồng với nhau để hai bên giải thoát cho nhau, ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Chị H trình bày trong quá trình chung sống giữa chị và anh C có với nhau hai người con chung là cháu Lý Sinh K, sinh ngày 13/8/2001 và cháu Lý Sinh Q, sinh ngày 17/4/2005. Hiện nay hai con chung của chị với anh C đều đã thành niên nên ly hôn chị H không có đề nghị gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ly hôn chị Dương Thị H không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Dương Thị H trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Bị đơn anh Lý Văn C tại bản tự khai ngày 19/6/2024 và quá trình làm việc tại Tòa án đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C trình bày anh và chị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, hai bên được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn, lý do là tại thời điểm đó chị H chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn, mặt khác vợ chồng đều là người dân tộc sinh sống ở khu khó khăn của xã, nhận thức và hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, trong quá trình chung sống đến nay vợ chồng cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ anh C ở xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn một thời gian, sau đó vợ chồng chuyển lên trên nhà vợ ở khu X Th, xã C Th để ở, làm ăn, sinh sống, vợ chồng vẫn đi lại ăn ở cả hai bên nội, ngoại. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị H đã trình bày, vợ chồng không có tiếng nói chung về các vấn đề trong việc ăn ở, sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng đều đi làm thuê nên có sự nghi ngờ tình cảm của nhau, từ đó dẫn đến hiểu lầm, xích mích, không tôn trọng và thông cảm cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay ai cũng có cuộc sống riêng của mình, không ai còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Anh C cũng xác định không còn tình cảm với chị H nên anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng với nhau.

Về con chung: Anh C xác nhận trong quá trình chung sống anh và chị H có với nhau hai người con chung là cháu Lý Sinh Kiên, sinh ngày 13/8/2001 và

cháu Lý Sinh Quyết, sinh ngày 17/4/2005. Hiện nay hai con chung của anh với chị H đều đã thành niên nên ly hôn anh không có đề nghị gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ly hôn anh Lý Văn C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Anh Lý Văn C trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị H và anh Lý Văn C. Về con chung: Đối với hai người con chung của chị H và anh C là cháu Lý Sinh Kiên, sinh ngày 13/8/2001 và cháu Lý Sinh Quyết, sinh ngày 17/4/2005. Hiện nay hai con chung của anh chị đều đã thành niên, ly hôn chị H và anh C đều không có đề nghị gì về con chung, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ly hôn chị Dương Thị H và anh Lý Văn C đều không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Dương Thị H và anh Lý Văn C đều trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì. Nên không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị H và bị đơn anh Lý Văn C đều có nơi cư trú tại khu X Th, xã C Th, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ngày 17/5/2024 chị H nộp đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn giải quyết không công nhận chị và anh C là vợ chồng với nhau. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự : Ngày 29/7/2024, chị Dương Thị H và anh Lý Văn C nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại Tòa án. Căn cứ khoản 1+3

Điều 228; Điều 238 - Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Dương Thị H, bị đơn anh Lý Văn C và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Dương Thị H và anh Lý Văn C chung sống với nhau từ năm 2001, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện thỏa thuận về chung sống với nhau như vợ chồng, anh chị được hai gia đình làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương nhưng chị H và anh C không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống đến nay anh chị cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh C phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống cùng nhau được, nguyên nhân là do anh C và chị H bất đồng quan điểm sống, trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên có lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau. Mặt khác anh chị không còn tin tưởng nhau, có sự ghen tuông về chuyện tình cảm. Lời trình bày của chị H và anh C phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị tại nơi cư trú. Trong quá trình làm việc tại Tòa án cả chị H và anh C đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay là 05 năm, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, hai bên đều xác định không còn tình cảm đối với nhau. Từ những nhận định trên có đủ cơ sở kết luận: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế cuộc hôn nhân không còn tồn tại nên cần xử: Không công nhận chị Dương Thị H và anh Lý Văn C là vợ chồng là phù hợp với khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Dương Thị H và anh Lý Văn C đều xác nhận trong quá trình chung sống với nhau anh chị có hai người con chung là cháu Lý Sinh Kiên, sinh ngày 13/8/2001 và cháu Lý Sinh Quyết, sinh ngày 17/4/2005. Hiện nay hai con chung đều đã thành niên, ly hôn chị H và anh C đều không có đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ly hôn chị Dương Thị H và anh Lý Văn C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Dương Thị H và anh Lý Văn C đều trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị H phải nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1+3 Điều 228, Điều 238; khoản 1 Điều 273 – BLTTDS ; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị H. Không công nhận chị Dương Thị H và anh Lý Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Dương Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004316 ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị H và anh Lý Văn C đều vắng mặt nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện, tỉnh;
- Cơ quan THADS huyện;
- UBND xã C Th;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Anh Ninh

